

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THƯƠNG MẠI FF
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THƯƠNG MẠI FF

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FF XNK TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110074734

3. Ngày thành lập: 27/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 1, Thôn Úc Lý, Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0399 843 502

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)	4530
5.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá mô tô, xe máy)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật quý hiếm)	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn chè; Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác	4632(Chính)

12.	Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh rượu, quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	4633
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng sành sứ tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; (Trừ dược phẩm)	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; - Bán buôn bột giấy	4669
22.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
23.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
24.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
25.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
26.	Chăn nuôi gia cầm	0146
27.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh) - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;	0149
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
30.	Khai thác và thu gom than non	0520
31.	Khai thác quặng sắt	0710
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
34.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá bất động sản)	6820
38.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
47.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
48.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
49.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
50.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
51.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
52.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
53.	Sản xuất chè	1076
54.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
56.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

59.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại;	1709
60.	In ấn	1811
61.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
62.	Sản xuất than cốc	1910
63.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ hóa chất nhà nước cấm)	2011
64.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
65.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
66.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
67.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
68.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
69.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
70.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
71.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
72.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
73.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
74.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
75.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: - Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt; - Sản xuất thiết bị GPS; - Sản xuất máy giám sát hành động	2651
76.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; - Sản xuất chuông điện	2790
83.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: - Sản xuất thang máy	2824
84.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy in, máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in	2829

85.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
86.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
87.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô đường bộ	4933
88.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hành khách ven biển	5011
89.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển	5012
90.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
91.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động quản lý , bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa	5229
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
95.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
96.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
97.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
98.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
99.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
100.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn	3290
101.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
105.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

106.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
107.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
108.	Xây dựng nhà để ở	4101
109.	Xây dựng nhà không để ở	4102
110.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
111.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
112.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật	4299
113.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
114.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
115.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
116.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
117.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
118.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học ; - Bán lẻ kính đeo mắt; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; (Trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao, trừ bán lẻ tiền kim khí, bán lẻ tem, bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773

6. Vốn điều lệ: 8.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 890.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ HÀ	Xóm 3 Thôn Tố Lai, Xã Định Hòa, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	89.000	890.000.000	10,000	0381900386 88	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	89.000	890.000.000	10,000		
2	LÊ THỊ HIỀN	Thôn Nam Bằng 1, Xã Thiệu Hợp, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	89.000	890.000.000	10,000	0381970046 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	89.000	890.000.000	10,000		

3	PHẠM VĂN HÙNG	Xóm 1 Thôn Tứ Giáp, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	712.000	7.120.000.000	80,000	036090024990
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	712.000	7.120.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036090024990

Ngày cấp: 18/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 1 Thôn Tứ Giáp, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 1 Thôn Tứ Giáp, Xã Liên Minh, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội